

7.1. Lộ trình đào tạo tối ưu

LỘ TRÌNH 3,5 NĂM – 11 HỌC KỲ

TT	NĂM THỨ 1	Số tín chỉ	Ghi chú	
		39		
	HỌC KỲ 1	15		
1	Văn hóa - xã hội các nước Đông Á	3		AB
2	Nói tiếng Trung 1	3		AB
3	Đọc viết tiếng Trung 1	3		AB
4	Giáo dục quốc phòng - an ninh	6		AB
	HỌC KỲ 2	18		
1	Nghe tiếng Trung 1	3		A
2	Kỹ năng khai phóng (**)	3		A
3	Kỹ năng số	3		A
4	Nhập môn Hán văn tự	3		B
5	Nói tiếng Trung 2	3		B
6	Đọc viết tiếng Trung 2	3		B
	HỌC KỲ 3	6		
1	Nghe tiếng Trung 2	3		
2	Kinh tế - chính trị các nước Đông Á	3		
TT	NĂM THỨ 2	Số tín chỉ	Ghi chú	
		41		
	HỌC KỲ 4	14		
1	Đọc viết tiếng Trung 3	3		A
2	Nói tiếng Trung 3	3		A
3	Kỹ năng khai phóng (**)	3		A
4	Nghe tiếng Trung 3	3		B
5	Thực tập nhận thức	2		B
	HỌC KỲ 5	18		
1	Đọc viết tiếng Trung 4	3		A
2	Nói tiếng Trung 4	3		A
3	Liên ngành 1	3	Tự chọn	A
4	Pháp luật và quyền con người	3		A

5	Kỹ năng khai phóng (*)	3	Tự chọn	B
6	Nghe tiếng Trung 4	3		B
	HỌC KỲ 6	9		
1	Giáo dục thể chất	3	Tự chọn	
2	Triết học Mác - Lênin	3		
3	Tiếng Trung trung cấp tổng hợp 1	3		
TT	NĂM THỨ 3	Số tín chỉ	Ghi chú	
		38		
	HỌC KỲ 7	16		
1	Tiếng Trung trung cấp tổng hợp 2	3		A
2	Liên ngành 2	3	Tự chọn	A
3	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2		A
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		B
5	Đàm thoại văn hoá Trung Quốc	3		B
6	Tiếng Trung trung cấp tổng hợp 3	3		B
	HỌC KỲ 8	17		
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		A
2	Tiếng Trung trung cấp tổng hợp 4	3		A
3	Thực hành ngôn ngữ	3		A
4	Tiếng Trung khách sạn nhà hàng	3		B
5	Triết học và tôn giáo Đông - Tây	3		B
6	Giảng dạy tiếng Trung	3		B
	HỌC KỲ 9	5		
1	Tiếng Trung du lịch	3		
2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		
TT	NĂM THỨ 4	Số tín chỉ	Ghi chú	
		12		
	HỌC KỲ 10	6		
1	Biên - phiên dịch Trung – Việt	3		AB
2	Luyện thi HSK trung cấp	3		AB
	HỌC KỲ 11	6		
1	Thực tập/khóa luận tốt nghiệp	6		

